

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ
tại Trường Đại học Hồng Đức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc phê duyệt Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ đợt 1 năm 2022.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị, Bộ môn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- HĐT, Hiệu trưởng và các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐTSDH


HIỆU TRƯỞNG
Bùi Văn Dũng

QUY ĐỊNH

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHD ngày 22 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy định này được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường).

3. Quy định này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình ở trình độ tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng (bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: Mục tiêu; Chuẩn đầu vào; Chuẩn đầu ra; Khối lượng học tập; Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo; Phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ; Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu. Việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ có khối lượng học tập 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh (NCS) có bằng tốt nghiệp trình độ thạc sĩ; 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học thuộc cùng nhóm ngành, bao gồm 03 phần chính:

a) Các học phần bổ sung kiến thức, quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan quy định tại khoản 4 Điều này.

c) Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

3. Các học phần bổ sung:

a) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; khối lượng kiến thức học phần bổ sung tối thiểu là 30 tín chỉ để đảm bảo NCS đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 (trình độ thạc sĩ) của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

b) Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành, Hiệu trưởng yêu cầu NCS học bổ sung các học phần cần thiết.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

a) Các học phần ở trình độ tiến sĩ có khối lượng 10 tín chỉ (02 HP bắt buộc và 01 HP tự chọn).

b) Mỗi NCS phải hoàn thành 03 chuyên đề tiến sĩ (CĐTS) với khối lượng 06 tín chỉ trong đó 01 CĐTS theo hướng chuyên sâu bắt buộc của đơn vị quản lý chuyên môn. 02 CĐTS theo hướng chuyên sâu tự chọn phù hợp với hướng nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Các CĐTS được đánh giá hoàn thành thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá.

c) Mỗi NCS phải hoàn thành tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài luận án tiến sĩ với khối lượng 02 tín chỉ (TC). Tiểu luận tổng quan được đánh giá hoàn thành thông qua hình thức bảo vệ trước Hội đồng đánh giá.

d) Việc hoàn thành các học phần ở trình độ tiến sĩ, 03 CĐTS và Tiểu luận tổng quan là điều kiện tiên quyết để làm thủ tục đánh giá luận án tiến sĩ.

5. Nghiên cứu khoa học.

a) Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Nội dung, quy mô nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của luận án tiến sĩ. Bộ môn, người hướng dẫn và NCS phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của nghiên cứu sinh.

b) Thời gian nghiên cứu khoa học được thực hiện trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

6. Luận án tiến sĩ và yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

a) Luận án tiến sĩ tương đương 72 tín chỉ do NCS thực hiện. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

b) Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

c) Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Nhà trường (qua Bộ môn và Phòng QLĐT Sau đại học) các văn bản của các thành viên chính trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ, nhận bằng tiến sĩ.

d) Nội dung chủ yếu và đóng góp quan trọng của luận án được đăng trong: kỷ yếu hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Trong các công bố trên, NCS phải là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ công trình khoa học; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của sách. Ngoài các yêu cầu trên, kết quả của luận án phải được công bố tối thiểu 01 bài trên Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức.

đ) Yêu cầu tại điểm d khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

e) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng theo quy định đồng thời tuân thủ các quy định về trích dẫn và chống đạo văn hiện hành của Nhà trường.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ là 04 năm (48 tháng). Nghiên cứu sinh dự tuyển từ bậc thạc sĩ có thể đăng ký thời gian đào tạo 03 năm (36 tháng).

Mỗi nghiên cứu sinh có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (theo mẫu tại Phụ lục I).

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường Đại học Hồng Đức để thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường Đại học Hồng Đức theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; có trình độ đáp ứng quy định của Luật giáo dục đại học, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính từ 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế;

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường Đại học Hồng Đức hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường Đại học Hồng Đức theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Trường Đại học Hồng Đức với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ có nhiệm vụ và quyền lợi như sau:

a) Giảng dạy theo mục tiêu, chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ, có chất lượng chương trình đào tạo.

b) Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo.

c) Định kỳ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.

d) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên.

đ) Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

e) Tham gia quản lý và giám sát cơ sở giáo dục đại học, tham gia công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác.

g) Được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

h) Được bổ nhiệm chức danh của giảng viên, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

i) Giảng viên không được xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học và người khác; không được gian lận trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; không được lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

k) Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

- b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- c) Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;
- d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Trường Đại học Hồng Đức.

Chương II TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ (*người có bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo có khối lượng học tập tối thiểu 150 tín chỉ, đáp ứng chuẩn đầu ra tương đương bậc 7 được công nhận có trình độ tương đương bậc 7*)

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 46 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.5 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc là người đã qua đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ bằng tiếng Việt và được các trường Đại học Việt Nam cấp bằng tốt nghiệp.

Điều 8. Thời gian, phương thức và thông báo tuyển sinh

1. Thời gian: Mỗi năm tùy theo nhu cầu và chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường tổ chức từ 01 đến 02 đợt tuyển NCS.

2. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển trực tiếp; trong các trường hợp bất khả kháng do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh thì có thể tổ chức xét tuyển trực tuyến khi đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với xét tuyển trực tiếp.

3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Hồng Đức ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm những thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp; chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có), những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức.

4. Hồ sơ dự tuyển (Phụ lục II).

Điều 9. Tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Hội đồng tuyển sinh

a) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.

b) Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm:

- Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

- Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo Sau đại học hoặc Trưởng phòng QLĐT Sau đại học của Nhà trường;

- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng QLĐT Sau đại học;

- Các ủy viên: Trưởng các đơn vị có liên quan, Trưởng Khoa có thí sinh đăng ký dự tuyển.

- Ban thường trực gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch và Ủy viên thường trực để giải quyết các vấn đề đột xuất.

Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh; Tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; Tổng kết công tác tuyển sinh; Quyết định khen thưởng, kỷ luật (nếu có); Báo cáo kết quả tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh.

- Quyết định và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định;

- Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh gồm: Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn.

- Phê duyệt thang điểm xét tuyển.

đ) Trách nhiệm và quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng tuyển sinh: Thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

2. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm; Các ủy viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển;
- Lập danh sách các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển và gửi hồ sơ hợp lệ của thí sinh đến các Tiểu ban chuyên môn;
- Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các Tiểu ban chuyên môn, tổng hợp, báo cáo Hội đồng tuyển sinh;
- Thông báo kết quả xét tuyển cho thí sinh;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

c) Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

3. Tiểu ban chuyên môn

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển vào chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng Bộ môn quản lý chuyên ngành đào tạo đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban với số lượng 07 người (Trưởng tiểu ban chuyên môn, 03 phản biện, 01 thư ký và 02 ủy viên), để Chủ tịch Hội đồng chọn 05 người.

b) Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh gồm 05 người có trình độ tiến sĩ trở lên, có cùng chuyên ngành/ngành, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là cán bộ khoa học, giảng viên của các Bộ môn trong trường hoặc ngoài trường do Trưởng Bộ môn quản lý chuyên ngành đào tạo mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Ban thư ký trình Chủ tịch Hội đồng ra quyết định thành lập Tiểu ban chuyên môn.

c) Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm: Trưởng tiểu ban; Thư ký; Các thành viên tiểu ban (02 phản biện và 01 ủy viên).

d) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, Đề cương nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh đề cương nghiên cứu của thí sinh; đánh giá, cho điểm và xếp loại các thí sinh dự tuyển theo thang điểm quy định; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

đ) Quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng tiểu ban chuyên môn

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch hội đồng tuyển sinh về toàn bộ nội dung tuyển sinh có liên quan tới trách nhiệm của Tiểu ban;
- Lập kế hoạch đánh giá đề cương nghiên cứu, yêu cầu phản biện và ủy viên trong tiểu ban chuyên môn đọc và nhận xét bằng văn bản đối với toàn bộ hồ sơ của thí sinh;
- Chủ trì phiên họp của Tiểu ban đánh giá hồ sơ dự tuyển và chịu trách nhiệm về kết luận cũng như kiến nghị của phiên họp đánh giá xét tuyển của Tiểu ban;

- Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thay đổi hoặc đình chỉ việc đánh giá hồ sơ dự tuyển đối với những ủy viên thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế.

4. Quy trình xét tuyển NCS

a) Hồ sơ chuyên môn được đánh giá theo thang điểm 100 với các tiêu chí sau đây:

- Kết quả học tập ở trình độ thạc sĩ hoặc đại học dựa trên điểm trung bình chung các môn học ở bậc đào tạo thạc sĩ hoặc đại học;

- Năng lực ngoại ngữ dựa trên kết quả các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ;

- Ý kiến đánh giá và mức độ ủng hộ trong hai thư giới thiệu có cân nhắc tới tính khách quan và xác thực;

- Kết quả nghiên cứu khoa học dựa trên hồ sơ minh chứng là các giải thưởng nghiên cứu khoa học hoặc chất lượng các bài báo khoa học;

- Chất lượng đề cương nghiên cứu: Dựa trên giá trị khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu, sự phù hợp của đề tài với chuyên ngành đăng kí đào tạo, tính thời sự và sáng tạo, sự rõ ràng của mục tiêu và nội dung nghiên cứu, triển vọng ứng dụng kết quả nghiên cứu; mức độ khả thi của đề tài, năng lực và kinh nghiệm chuyên môn của thí sinh liên quan đến nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu phù hợp, dự kiến kế hoạch thực hiện đề tài nghiên cứu hợp lí.

b) Trước khi tiểu ban chuyên môn họp, các thành viên của tiểu ban chuyên môn phải có nhận xét bằng văn bản đối với đề cương nghiên cứu, bài báo khoa học của mỗi thí sinh.

c) Trình tự tiến hành đánh giá đề cương nghiên cứu (Phụ lục II)

d) Hình thức đánh giá: Từng thành viên trong Tiểu ban chuyên môn căn cứ thang điểm do Hiệu trưởng quy định để đánh giá thí sinh. Tiểu ban tổng hợp kết quả đánh giá cho điểm của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

đ) Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển là thí sinh đạt tối thiểu 50 điểm, trong đó điểm của đề cương nghiên cứu (trung bình cộng điểm chấm của các thành viên) phải đạt tối thiểu 50% số điểm tối đa của đề cương nghiên cứu.

e) Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Hiệu trưởng quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

g) Trong vòng một tháng (30 ngày) kể từ ngày bắt đầu kỳ tuyển sinh, Trường sẽ hoàn thành việc xét tuyển, chấm phúc khảo (nếu có), báo cáo tình hình tuyển sinh, kết quả tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc ra quyết định trúng tuyển chỉ thực hiện sau khi có kết quả phúc khảo. Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận đơn phúc khảo về kết quả xét tuyển của thí sinh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả và phải có phản hồi

chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn. Thí sinh nộp đơn xin phúc khảo phải nộp lệ phí theo quy định của Nhà trường

5. Phê duyệt danh sách trúng tuyển và Quyết định công nhận nghiên cứu sinh

a) Hiệu trưởng phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

b) Phòng QLĐT Sau đại học gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

c) Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS. Quyết định công nhận nghiên cứu sinh phải có đầy đủ thông tin bao gồm: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

6. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

a) Nhà trường lưu giữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến tuyển sinh phải được lưu trữ, bảo quản an toàn để phục vụ công tác quản lý, thẩm định, giám sát, thanh tra và kiểm tra theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 10. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài Trường.

2. Được phép tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, chuyên đề tiến sĩ theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo trực tuyến; bảo đảm chất lượng các lớp học này tương đương với lớp học trực tiếp.

Điều 11. Tổ chức hoạt động giảng dạy, đánh giá các học phần và chuyên đề tiến sĩ

1. Khi tiếp nhận NCS, căn cứ trình độ, văn bằng và bảng điểm của NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, Trưởng Bộ môn và người hướng dẫn căn cứ vào chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đã được Nhà trường phê duyệt để đề xuất các học phần bổ sung; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của NCS nộp về phòng QLĐT Sau đại học, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Đối với các học phần bổ sung, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Nhà trường. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ, phòng QLĐT Sau đại học phối hợp với các Khoa đào tạo tổ chức thực hiện.

3. Sau khi có quyết định công nhận NCS chậm nhất **8 tháng**, Trưởng Bộ môn đề xuất thành lập Hội đồng đánh giá đề cương nghiên cứu chi tiết và tiểu luận tổng quan cho từng NCS gửi phòng QLĐT Sau đại học, trình Hiệu trưởng ra quyết định. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu chi tiết được thực hiện bằng cách NCS trình bày trước Hội đồng đánh giá tại Bộ môn. Hội đồng có 05 thành viên (gồm Chủ tịch HĐ, thư ký và 3 ủy viên,

hội đồng có ít nhất 01 người ngoài trường). Thành viên hội đồng là những người có cùng chuyên ngành/ngành, có học vị từ tiến sĩ trở lên, có uy tín chuyên môn, trong đó có ít nhất 01 thành viên là cán bộ hướng dẫn của NCS. Thành viên Hội đồng có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Nhận xét đánh giá về mặt học thuật của đề cương nghiên cứu chi tiết và tiểu luận tổng quan;

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn, nhận xét trong quá trình đánh giá.

c) Thư ký tập hợp các bản nhận xét, tư vấn của các thành viên cho NCS, tổng hợp thành biên bản họp Hội đồng có xác nhận của Chủ tịch HĐ, thư ký và các ủy viên HĐ, nộp toàn bộ hồ sơ về Phòng QLĐT Sau đại học.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và chuyên đề của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khuyến khích và yêu cầu tính chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;

b) Việc giảng dạy, đánh giá các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ thực hiện theo quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

c) Các chuyên đề tiến sĩ của NCS được thực hiện dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá chuyên đề. Hội đồng gồm 03 thành viên, là những người có học vị tiến sĩ trở lên, có cùng chuyên ngành/ngành. Quy trình và mẫu phiếu đánh giá (Phụ lục II).

5. NCS có học phần bổ sung, học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định sẽ không được tiếp tục làm NCS. NCS chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng nếu được Nhà trường hoặc một cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ tương đương khác chấp nhận.

6. Hội đồng Khoa có nhiệm vụ thông qua chương trình đào tạo do bộ môn xây dựng. Các học phần, chuyên đề tiến sĩ trong chương trình đào tạo được cập nhật bổ sung theo quy định.

Điều 12. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

a) Thay đổi đề tài luận án chỉ được thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo, việc thay đổi này phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và không làm ảnh hưởng đến thời gian đào tạo được quy định tại Điều 3 của Quy định này.

b) Việc điều chỉnh tên đề tài luận án (nội dung luận án không thay đổi) sau thời gian quy định tại điểm a Điều này được thực hiện khi bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn.

c) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Khi có lý do chính đáng, NCS có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất 12 tháng; được Hiệu trưởng đồng ý; được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là NCS của cơ sở chuyển đến. Việc công nhận kết

quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do Hiệu trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

2. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu đã nộp hồ sơ luận án để gửi phản biện độc lập trong thời gian quy định tại khoản 1 Điều 3;

b) Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn, NCS phải làm thủ tục xin gia hạn học tập có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Trường. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng.

3. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy định này;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của Trường ở mức độ buộc thôi học.

Điều 13. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được Hội đồng chuyên môn của Khoa (gồm: Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn, Người hướng dẫn dự kiến của NCS) họp thống nhất đề xuất. Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập cấp Trường, Hội đồng họp đề nghị Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là NCS mới theo điểm c khoản 1 Điều này, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Thời hạn bảo lưu kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS không quá 02 năm (24 tháng).

4. NCS có đơn đề nghị Hội đồng chuyên môn của Khoa (theo mẫu Phụ lục II) và đáp ứng các quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được Hiệu trưởng xem xét ra quyết định công nhận bảo lưu và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

Nghiên cứu sinh có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật giáo dục Đại học

a) Học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo quy định. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của Trường Đại học Hồng Đức; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập và thi cử, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt nam nữ, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện. Được tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Đóng góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục. Được hưởng chính sách đối với nghiên cứu sinh thuộc đối tượng hưởng ưu tiên và chính sách xã hội. Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

b) Các hành vi nghiên cứu sinh không được làm: Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học của Trường Đại học Hồng Đức và người khác. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh. Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong cơ sở giáo dục đại học hoặc nơi công cộng và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn, Trưởng Bộ môn và Khoa đào tạo thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu, nộp cho Phòng QLĐT Sau đại học lưu hồ sơ NCS; đề xuất với người hướng dẫn và Bộ môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại Bộ môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.

4. Tuân thủ các quy định về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Trong thời gian học tập chính thức và thời gian gia hạn (nếu có), NCS phải nộp học phí đào tạo, mức học phí cụ thể do Hiệu trưởng quyết định phù hợp với quy định của Nhà nước.

6. Được sử dụng hệ thống trang thiết bị, tài liệu dạy học tại Trung tâm Thông tin Thư viện của Nhà trường để phục vụ quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của Bộ môn và Khoa đào tạo

1. Bộ môn quản lý chuyên ngành:

- a) Đề xuất với Khoa đào tạo về người hướng dẫn NCS đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều 5 của Quy định này;
 - b) Đề xuất với Khoa đào tạo về kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa hằng năm của NCS;
 - c) Tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS;
 - d) Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ, xêmina luận án cho NCS tại Bộ môn; triển khai đánh giá luận án của NCS cấp đơn vị chuyên môn; thông qua đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;
 - đ) Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Khoa đào tạo.
2. Khoa quản lý chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ :
- a) Phê duyệt đề xuất của Bộ môn và đề xuất với Nhà trường về người hướng dẫn NCS đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều 5 của Quy định này;
 - b) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và chi tiết hằng năm của NCS;
 - c) Hướng dẫn, quản lý, giám sát Bộ môn tổ chức đánh giá luận án của NCS cấp đơn vị chuyên môn;
 - d) Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Nhà trường.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 16. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn

1. Điều kiện để luận án của nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ cấp đơn vị chuyên môn:
 - a) Đã hoàn thành các học phần, chuyên đề trong chương trình đào tạo tiến sĩ.
 - b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn, tập thể hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá cấp đơn vị chuyên môn.
 - c) Đáp ứng yêu cầu tại điểm d khoản 6 Điều 2 và thời gian đào tạo theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.
 - d) NCS có đơn đề nghị được bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn, Lý lịch khoa học; tờ trình của Khoa kèm theo danh sách đề nghị thành viên hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn.
 - đ) Minh chứng đạt yêu cầu về kiểm soát đạo văn theo quy định hiện hành.
 - e) Có văn bản của người hướng dẫn, tập thể người hướng dẫn nhận xét và đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn (Phụ lục II).
 - g) NCS hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
2. Việc đánh giá luận án ở cấp đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc tối đa 3 lần, cho đến khi được thông qua, được đề nghị thực hiện quy trình phản biện độc lập và đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, NCS, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn

a) Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này, Trường Bộ môn có văn bản đề nghị Khoa; Khoa báo cáo Phòng QLĐT Sau đại học trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn. Danh sách đề nghị gồm 15 thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục II.

b) Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn gồm 07 thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có cùng chuyên ngành/ngành, có am hiểu sâu sắc về lĩnh vực đề tài nghiên cứu của NCS, các ủy viên phản biện phải là những người có cùng chuyên ngành nghiên cứu của NCS; Hội đồng có ít nhất 03 nhà khoa học, chuyên gia ở ngoài Trường trong đó 02 phản biện ở các cơ sở đào tạo khác nhau; tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như quy định đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy định này.

c) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét gửi về Phòng QLĐT Sau đại học của Trường trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

d) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau: Vắng Chủ tịch Hội đồng hoặc Thư ký Hội đồng; số thành viên Hội đồng có mặt dưới 6 người; vắng thành viên phản biện có ý kiến không tán thành luận án; NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4. Phiên họp đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn:

a) Khi luận án vẫn còn nhiều điểm cần sửa chữa, bổ sung, không đáp ứng yêu cầu, Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn có thể đề nghị cho luận án được bảo vệ lại ở phiên họp lần sau (nhưng không quá 3 phiên). Số lượng nhà khoa học tham gia phiên đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu 2/3 với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét đã tham gia ở phiên trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS; trong đó phải có mặt đủ những thành viên có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án thực hiện quy trình phản biện độc lập và bảo vệ ở Hội đồng cấp Trường.

b) Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn có trách nhiệm nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung.

c) Luận án chỉ được thông qua để thực hiện quy trình phản biện độc lập và bảo vệ ở Hội đồng cấp Trường khi có tối thiểu 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành và đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng, được chủ tịch Hội đồng xác nhận bằng văn bản.

Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn thông qua danh sách gồm ít nhất 30 đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của NCS do Bộ môn đề xuất và trình Hiệu trưởng quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng

những vấn đề nghiên cứu trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Nhà trường không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án. Nếu luận án có tính chất liên ngành thì tóm tắt luận án cũng phải được gửi tới các cơ quan và các nhà khoa học thuộc liên ngành đó.

5. Quy trình bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn (Phụ lục II)

Điều 17. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Chậm nhất 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn thông qua, Nhà trường phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Trường Đại học Hồng Đức, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy định này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Hiệu trưởng gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Hiệu trưởng yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Nhà trường.

5. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, toàn văn bản nhận xét (không có tên) của phản biện độc lập sẽ được Phòng QLĐT Sau đại học in sao gửi cho NCS. NCS nghiên cứu, tiếp thu, sửa chữa hoặc bảo lưu quan điểm của mình và có văn bản giải trình có ý kiến xác nhận và chữ ký của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn nộp lại cho Phòng QLĐT Sau đại học. Trong thời gian không quá một tháng kể từ ngày nhận được nhận xét của phản biện độc lập, NCS phải hoàn thiện và gửi một bản luận án đóng bìa cứng, một bản tóm tắt luận án và bản giải

trình của NCS về Phòng QLĐT Sau đại học để làm thủ tục trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

6. Quy trình phản biện độc lập:

a) Lãnh đạo phòng QLĐT Sau đại học trình Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền) hồ sơ xin ý kiến phản biện độc lập gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ bài báo có đầy đủ thông tin cùng danh sách 15 nhà khoa học đủ điều kiện làm phản biện độc lập, thuộc chuyên ngành của luận án để Hiệu trưởng lựa chọn 02 người làm phản biện độc lập.

b) Để đảm bảo yêu cầu bảo mật, người được Hiệu trưởng giao: gửi đầy đủ các hồ sơ đã xóa thông tin về NCS, người hướng dẫn tới hai phản biện độc lập theo danh sách Hiệu trưởng đã duyệt. Hồ sơ gồm: một quyển luận án, một quyển tóm tắt luận án và một bộ bài báo, mẫu bản nhận xét; yêu cầu phản biện độc lập gửi bản nhận xét (có ký tên) tới đích danh người liên hệ gửi hồ sơ.

c) Sau khi nhận văn bản nhận xét của phản biện độc lập, Phòng QLĐT Sau đại học photo và chuyển nhận xét đó đến NCS. Trên bản sao có ý kiến của phòng QLĐT Sau đại học và đã loại bỏ các thông tin cá nhân liên quan tới phản biện độc lập. NCS và người hướng dẫn tiếp thu chỉnh sửa, giải trình tiếp thu ý kiến của các phản biện độc lập trong đó phải nêu cụ thể:

- Phần nào, mục nào (ở trang bao nhiêu) đã được tiếp thu, sửa chữa;
- Những ý kiến được bảo lưu, lý do bảo lưu, những ý kiến cần được tranh luận trong buổi bảo vệ;
- Cuối bản tiếp thu có chữ ký của NCS, NHD và lãnh đạo phòng QLĐT Sau đại học;
- Bản giải trình của NCS được gửi về phòng QLĐT Sau đại học và trình bày tại buổi đánh giá luận án cấp Trường;

d) Khi luận án đạt quy trình phản biện độc lập, phòng QLĐT Sau đại học tiến hành các thủ tục đánh giá luận án cấp Trường quy định tại Điều 20 của Quy định này.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường

1. NCS làm đơn xin bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Trường trình Bộ môn và Trưởng khoa. Trưởng khoa, Bộ môn lập hồ sơ và công văn trình Hiệu trưởng (qua Phòng QLĐT Sau đại học) đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp Trường.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp Trường của NCS gồm:

- a) Luận án và tóm tắt luận án;
- b) Trích yếu những thông tin chính và những điểm mới của luận án tiến sĩ bằng tiếng Việt và tiếng Anh;
- c) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);
- d) Văn bản của Khoa đào tạo đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;
- đ) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

e) Quyết định công nhận NCS và Quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

g) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

h) Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS;

i) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận và Quyết nghị của Hội đồng tại phiên họp đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký; Phiếu đánh giá và Biên bản kiểm phiếu của hội đồng cấp đơn vị chuyên môn;

k) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của NCS sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày được Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn thông qua;

l) Minh chứng đạt yêu cầu về kiểm soát đạo văn;

m) Bản giải trình các điểm đã bổ sung, sửa chữa, bảo lưu của NCS theo ý kiến của 02 phản biện độc lập, có chữ ký xác nhận của NCS và tập thể hướng dẫn;

n) Các loại hồ sơ khác theo quy định của Nhà trường.

Điều 19. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy định này.

2. Số lượng thành viên Hội đồng:

a) Số lượng thành viên Hội đồng gồm có 07 người, trong đó, số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của Trường không quá 03 người;

b) Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các ủy viên, trong đó có 01 phản biện là người của Trường Đại học Hồng Đức và 02 phản biện là người ngoài Trường ở các cơ sở khác nhau; phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; các phản biện phải là người có cùng chuyên ngành nghiên cứu của NCS, am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học và hình thức thể hiện của luận án; Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường; 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Không hạn chế số lượng thành viên là phản biện độc lập của luận án tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, trong đó, không quá 01 phản biện độc lập được tiếp tục làm nhiệm vụ phản biện luận án cấp Trường.

3. Người có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của NCS không tham gia Hội đồng.

Điều 20. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp Trường

1. Phòng QLĐT Sau đại học kết hợp cùng các đơn vị liên quan có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện việc tổ chức bảo vệ luận án cho NCS.

2. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của NCS đạt yêu cầu theo quy trình phản biện độc lập, Hiệu trưởng tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

3. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, NCS nộp hồ sơ luận án cho phòng QLĐT Sau đại học. Phòng QLĐT Sau đại học có trách nhiệm gửi hồ sơ luận án cho các thành viên hội đồng; gửi tóm tắt luận án theo danh sách đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn đề nghị .

4. Các điều kiện tổ chức cho NCS bảo vệ luận án phải đảm bảo nguyên tắc:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, toàn văn luận án, tóm tắt luận án; trích yếu những thông tin chính về những đóng góp mới của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên website của Trường ([//www.hdu.edu.vn](http://www.hdu.edu.vn)) trước ngày bảo vệ 20 ngày, trừ các đề tài bảo vệ theo chế độ mật;

b) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét luận án bằng văn bản (theo mẫu Phụ lục II) gửi đến Phòng QLĐT Sau đại học 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của NCS;

c) Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường chỉ họp sau khi nhận được ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án của các nhà khoa học trong danh sách gửi tóm tắt luận án và 7 bản nhận xét của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

5. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch hội đồng;
- Vắng mặt Thư ký hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này;
- Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức đánh giá luận án.

6. Trường hợp phải đánh giá luận án trực tuyến thì thực hiện theo Quyết định số 1181/QĐ-ĐHHĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc Quy định tổ chức đánh giá luận văn, luận án theo hình thức trực tuyến tại Trường Đại học Hồng Đức và các hướng dẫn hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Hồ sơ chuẩn bị cho buổi đánh giá (Phụ lục II)

8. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng.

Điều 21. Tổ chức đánh giá luận án cấp Trường

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 22 Quy định này. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá. Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt là phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ban kiểm phiếu gồm 03 người (một trưởng ban và hai ủy viên). Chủ tịch Hội đồng không tham gia ban kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có ít nhất 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

3. Hội đồng phải có Quyết nghị thông qua luận án (theo mẫu Phụ lục II)

Căn cứ kết quả bỏ phiếu và biên bản kiểm phiếu, Hội đồng đề nghị công nhận hoặc không công nhận học vị tiến sĩ theo ngành nghiên cứu của NCS. Chất lượng luận án được đánh giá xuất sắc khi tất cả thành viên hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành, trong đó có ít nhất 06 thành viên hội đồng đánh giá đạt mức xuất sắc. Quyết nghị của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo Quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để lưu cùng với luận án tại Trung tâm thông tin Thư viện, Phòng QLĐT Sau đại học và Thư viện Quốc gia Việt Nam.

4. Quy trình tổ chức bảo vệ luận án cấp Trường:

a) NCS nộp hồ sơ về phòng QLĐT Sau đại học (Phụ lục II)

b) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

c) Phòng QLĐT Sau đại học gửi giấy mời, hồ sơ luận án tới các thành viên Hội đồng;

d) Sau khi nhận đủ nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, phòng QLĐT Sau đại học thông báo đến các thành viên hội đồng và thống nhất thời gian họp Hội đồng;

đ) Thư ký Hội đồng nhận hồ sơ bảo vệ tại phòng QLĐT Sau đại học và chuẩn bị nội dung bản dự thảo Quyết nghị của Hội đồng theo mẫu;

e) Phòng QLĐT Sau đại học hướng dẫn trình tự buổi bảo vệ luận án cấp Trường cho NCS và Hội đồng;

g) Trong vòng 01 tuần sau buổi bảo vệ, Thư ký Hội đồng nộp lại phòng QLĐT Sau đại học 04 biên bản bảo vệ luận án, 04 bản Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

5. Trình tự buổi bảo vệ luận án cấp Trường (Phụ lục II).

Điều 22. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo minh chứng và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với nghiên cứu sinh, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 16 của Quy định này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được Trường Đại học Hồng Đức xác nhận.

3. Khi tổ chức đánh giá luận án theo chế độ mật, phòng QLĐT Sau đại học không phải thực hiện điểm a khoản 4 điều 20 của Quy định này. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết. Trình tự buổi đánh giá luận án theo chế độ mật thực hiện như bảo vệ luận án theo chế độ công khai.

4. Số lượng bản thảo luận án, tóm tắt luận án cũng như các bản luận án, tóm tắt luận án chính thức phải được đóng dấu mật.

5. Tất cả hồ sơ trong quá trình đào tạo, hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

6. Ngoài các quy định trên, NCS thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy định này.

Điều 23. Đánh giá lại luận án cấp Trường

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Nhà trường quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án cấp Trường lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ các thành viên không tán thành luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Hiệu trưởng bổ sung thành viên khác thay thế.

4. Quy trình bảo vệ lại luận án cấp Trường thực hiện theo quy định như lần đánh giá thứ nhất.

Điều 24. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những điều kiện sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường đồng ý thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp cho Trường Đại học Hồng Đức (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trường Đại học Hồng Đức;

d) Hồ sơ của NCS có kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong trường hợp phải kiểm tra, thẩm định.

2. Đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Hồng Đức (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Trường Đại học Hồng Đức tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành việc chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

đ) Minh chứng luận án đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam và Thư viện Trường;

e) Những tài liệu khác theo quy định của Trường Đại học Hồng Đức.

5. Trường Đại học Hồng Đức thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 25. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ và những quy định có liên quan;

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận nghiên cứu sinh; hồ sơ buổi đánh giá luận án cấp Trường; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Trường Đại học Hồng Đức;

b) Trường Đại học Hồng Đức gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với Trường Đại học Hồng Đức trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 26. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành và Quy định của Trường Đại học Hồng Đức;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Trường Đại học Hồng Đức;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Trường Đại học Hồng Đức có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; uỷ quyền cho Trường Đại học Hồng Đức tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Hồng Đức quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Trường Đại học Hồng Đức tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Hiệu trưởng xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, Trường Đại học Hồng Đức cho phép nghiên cứu sinh bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường Đại học Hồng Đức; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy định này; luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Trường Đại học Hồng Đức có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VI

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và NCS có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thanh tra, kiểm tra

1. Hiệu trưởng tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các chuyên ngành đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra gồm: hồ sơ dự tuyển, văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Điều 7; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Trường thông báo bằng văn bản cho các chuyên ngành đào tạo.

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có vi phạm, gian lận trong hồ sơ tuyển sinh, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật theo một trong các mức: Khiển trách, Cảnh cáo, Tạm ngừng học tập, Đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp, Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Đối với NCS vi phạm các quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này:

a) Sẽ bị xử lý một trong ba mức sau: Khiển trách; Cảnh cáo; Đình chỉ học tập, đồng thời hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án;

b) Nếu thông tin về phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án xin ý kiến phản biện độc lập có thể bị xem xét kỷ luật theo một trong hai mức: Khiển trách; Cảnh cáo.

3. Người hướng dẫn NCS vi phạm các quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý, điều chỉnh số lượng NCS đang hướng dẫn và số lượng NCS được phép tuyển mới.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Trường Đại học Hồng Đức có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của nghiên cứu sinh theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, Trường Đại học Hồng Đức báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Trường Đại học Hồng Đức phải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế của cơ sở đào tạo và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 31. Quy định chuyển tiếp

1. Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHHD ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng.

2. Đối với những khóa đã tuyển sinh từ ngày 20 tháng 5 năm 2017 trở đi: tiêu chuẩn của người hướng dẫn NCS được áp dụng theo khoản 2 Điều 5; điều kiện về các công bố khoa học liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án để tổ chức đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn được áp dụng theo điểm d khoản 6 Điều 2 của Quy định này ./.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2249~~/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

Khoa đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Khóa đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	04 -06 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố, ...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	Luận án và các bài công bố, ...

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của Khoa đào tạo và chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 224/QĐ-ĐHHD ngày 22/ 4/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

**CÁC MẪU VĂN BẢN
DÙNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

Các cá nhân, đơn vị liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ cập nhật và sử dụng theo file mẫu từ website của Nhà trường (<http://qldtsdh.hdu.edu.vn>)

1. Hệ thống mẫu liên quan đến Hồ sơ dự tuyển, xét tuyển nghiên cứu sinh
2. Hệ thống mẫu liên quan báo cáo Tổng quan, chuyên đề tiến sĩ
3. Hệ thống mẫu liên quan đến Hồ sơ bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn
4. Hệ thống mẫu liên quan đến viết nhận xét; phản biện luận án
5. Hệ thống mẫu liên quan đến Hồ sơ bảo vệ luận án cấp Trường

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Quyết định số 224/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

BÁO CÁO
DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ LUẬN ÁN
CÁC THÁNG TRONG NĂM

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Tháng năm)

STT	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của cơ sở đào tạo	Kết quả đánh giá	Ghi chú

Lãnh đạo Nhà trường
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2249/QĐ-ĐHHD ngày 22/12/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

Stt	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên